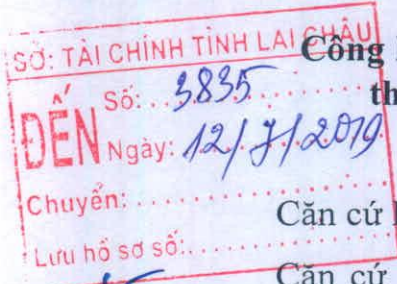


Số: *225*/BC-UBND

Lai Châu, ngày *M* tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019



Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ 8 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2019; Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Trên cơ sở tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019

1. Về thực hiện dự toán thu ngân sách địa phương

Tổng nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Ước thực hiện 6 tháng là 950.000 triệu đồng, đạt 44% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2018. Chi tiết cụ thể như sau:

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 6 tháng là 950.000 triệu đồng, đạt 44% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước; bao gồm:

- Thu nội địa: Ước thực hiện là 925.000 triệu đồng, đạt 44% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: Ước thực hiện 6 tháng là 400.000 triệu đồng, đạt 33% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt thấp do những tháng đầu năm vào mùa khô, trữ lượng nước lòng hồ tại các nhà máy thủy điện trên địa bàn đạt thấp dẫn đến hiệu suất phát máy của các nhà máy thủy điện chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ so với công suất thiết kế.

+ Thu từ Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: Ước thực hiện 6 tháng là 6.800 triệu đồng, tăng 13% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu này đạt cao do một số khoản thu phát sinh từ các doanh nghiệp phải nộp năm 2018 chuyển sang năm 2019.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 6 tháng là 98.000 triệu đồng, đạt 38% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2018. Khoản thu đạt thấp do nguồn vốn đầu tư mới giao kế hoạch, một số công trình, dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện năm 2019, bên cạnh đó tình hình nợ đọng thuế còn cao đã ảnh hưởng đến nguồn thu từ lĩnh vực này.

+ Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 6 tháng là 26.500 triệu đồng, đạt 49% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 98% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 6 tháng là 18.000 triệu đồng, đạt 69% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu này đạt khá cao chủ yếu phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng mua bán nhà, đất trên địa bàn và hoạt động từ kinh doanh hành hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, thu nhập từ hành nghề độc lập của các nhân,...

+ Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 6 tháng là 65.000 triệu đồng, đạt 50% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước.

+ Khoản thu từ phí, lệ phí: Ước thực hiện 6 tháng là 21.000 triệu đồng, đạt 35% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 51% so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu này đạt tỷ lệ thấp là do chính sách biên mậu của phía Trung Quốc thay đổi thắt chặt quản lý các hàng tạm nhập, tái xuất qua lối mở nên đã ảnh hưởng đến khoản thu này.

+ Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 6 tháng là 90.000 triệu đồng, đạt 43% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu này đạt thấp do từ đầu năm đến nay việc đấu giá quyền sử dụng đất tại các huyện và thành phố còn chậm so với kế hoạch; thu từ hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các huyện và thành phố giảm.

+ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 6 tháng là 6.000 triệu đồng, đạt 64% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, khoản thu này phát sinh chủ yếu tại huyện Phong Thổ và thành phố Lai Châu.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 6 tháng là 159.000 triệu đồng, tăng 77% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 75% so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu này tăng cao do thực hiện tốt công tác đôn đốc thu hồi nợ đọng về thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ các năm trước của các doanh nghiệp; đồng thời do thu từ cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

+ Thu khác ngân sách: Ước thực hiện 6 tháng là 20.000 triệu đồng, đạt 50% so với HĐND tỉnh giao và tăng 12% với cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 6 tháng là 13.850 triệu đồng, đạt 53% so với dự toán HĐND tỉnh giao, và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Ước thực hiện 6 tháng là 25.000 triệu đồng, đạt 63% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 28% so với cùng kỳ năm 2018. Khoản thu này đạt khá cao chủ yếu từ hoạt động nhập khẩu các máy móc, thiết bị để lắp máy cho các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh.

b) Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: Ước thực hiện 6 tháng là 769.680 triệu đồng, đạt 39% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

2. Về thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 6 tháng là 3.946.000 triệu đồng, đạt 50% so với HĐND tỉnh giao, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 6 tháng là 2.882.000 triệu đồng, đạt 46% so với HĐND tỉnh giao, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 6 tháng là 363.400 triệu đồng, đạt 48% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện 6 tháng là 2.500.372 triệu đồng, đạt 48% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: Ước thực hiện 6 tháng là 1.063.000 triệu đồng, đạt 45% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước:

+ Chi sự nghiệp Y tế: Ước thực hiện 6 tháng là 254.000 triệu đồng, đạt 37% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 87% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao: Ước thực hiện 6 tháng là 22.000 triệu đồng, đạt 34% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 95% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chi thực hiện dự án chương trình Mục tiêu quốc gia: Ước thực hiện 6 tháng là 289.000 triệu đồng (*đã bao gồm giải ngân từ nguồn chuyển nguồn*), đạt 40% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 52% so với cùng kỳ năm trước.

c) Chi thực hiện một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Ước thực hiện 6 tháng là 695.000 triệu đồng (*đã bao gồm giải ngân từ nguồn chuyển nguồn*), đạt 93% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 75% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo biểu số 01, 02, 03 kèm theo)

II. Đánh giá chung

1. Về thu ngân sách

Bên cạnh việc tổ chức triển khai thực hiện các Luật Thuế đã ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã triển khai quyết liệt nhiều biện pháp ổn định kinh tế, tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước. Đồng thời, tiếp tục rà soát, tăng cường chỉ đạo sâu sát công tác thu ngân sách, tăng cường quản lý thu, kết hợp cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh thu nội địa, thu xuất nhập khẩu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, do đó cơ bản các sắc thuế đều đạt và vượt chỉ tiêu. Tuy nhiên một số sắc thuế thu vẫn còn đạt thấp như: Thu từ Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường nên phần nào đã ảnh hưởng đến tổng số thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Về chi ngân sách

- Các ngành, các cấp được giao nhiệm vụ chủ đầu tư đã thực hiện khá tốt các quy định về quản lý đầu tư trong việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thu hồi tạm ứng vốn xây dựng cơ bản theo quy định.

- Các đơn vị dự toán và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã nghiêm túc triển khai thực hiện dự toán năm 2019 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; thực hiện phân bổ, thẩm định dự toán kịp thời cho các đơn vị trực thuộc; chấp hành nghiêm túc dự toán được giao, chi trả kịp thời, đầy đủ các khoản chi cho con người nhất là chi trả các chính

sách chế độ và an sinh xã hội; đảm bảo chỉ tiêu tiết kiệm chi để thực hiện cải cách tiền lương.

Hầu hết các cấp, các ngành đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhất là các khoản chi thường xuyên như: Chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, động thổ, khởi công, khánh thành công trình, công tác phí trong nước và đi công tác nước ngoài từ nguồn ngân sách nhà nước.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TM: *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tiến Dũng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 025/BC-UBND ngày 11 / 7 / 2019 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM | SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|------------|--|------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 2.150.000 | 950.000 | 44% | 114% |
| 1 | Thu cân đối NSNN | 2.150.000 | 950.000 | 44% | 114% |
| 1 | Thu nội địa | 2.110.500 | 925.000 | 44% | 115% |
| 2 | Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu | 39.500 | 25.000 | 63% | 128% |
| II | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | | | |
| B | TỔNG CHI NSDP | 7.883.230 | 3.946.000 | 50% | 105% |
| I | Chi cân đối NSDP | 6.318.476 | 2.882.000 | 46% | 112% |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 754.820 | 363.400 | 48% | 103% |
| 2 | Chi trả nợ lãi | 200 | 18 | 9% | |
| 3 | Chi thường xuyên | 5.249.589 | 2.500.372 | 48% | 113% |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.000 | 0 | | |
| 5 | Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi | 84.800 | 0 | | |
| 6 | Dự phòng ngân sách | 129.645 | 18.210 | | |
| 8 | Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện CCTL | 84.800 | 0 | | |
| 11 | Kinh phí tinh giản biên chế thực hiện CCTL | 13.622 | 0 | | |
| II | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP | 1.477.054 | 984.000 | 67% | 88% |
| 1 | Chi thực hiện dự án chương trình MTQG | 728.946 | 289.000 | 40% | 152% |
| 2 | Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác | 748.108 | 695.000 | 93% | 75% |
| III | Chi trả nợ gốc từ bội thu NSDP | 87.700 | 80.000 | 91% | 116% |
| IV | Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách | | | | |

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 225/BC-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM | SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|-----------|---|------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 2.150.000 | 950.000 | 44% | 114% |
| I | Thu nội địa | 2.110.500 | 925.000 | 44% | 115% |
| 1 | Thu từ DNNN do trung ương quản lý | 1.200.000 | 400.000 | 33% | 110% |
| 2 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN | 2.000 | 750 | 38% | 31% |
| 3 | Thu từ DNNN do địa phương quản lý | 6.000 | 6.800 | 113% | 113% |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 260.000 | 98.000 | 38% | 98% |
| 5 | Lệ phí trước bạ | 54.000 | 26.500 | 49% | 98% |
| 6 | Thuế thu nhập cá nhân | 26.000 | 18.000 | 69% | 124% |
| 7 | Thuế bảo vệ môi trường | 130.000 | 65.000 | 50% | 129% |
| - | Ngân sách trung ương hưởng | 81.640 | 40.820 | 50% | 0% |
| - | Ngân sách tỉnh hưởng | 48.360 | 24.180 | 50% | 129% |
| 8 | Thu phí, lệ phí | 59.550 | 21.000 | 35% | 51% |
| - | Ngân sách trung ương hưởng | 2.000 | 1.000 | 50% | 72% |
| - | Ngân sách tỉnh hưởng | 47.550 | 14.000 | 29% | 42% |
| - | Ngân sách huyện, thành phố hưởng | 10.000 | 6.000 | 60% | 99% |
| 9 | Thu tiền sử dụng đất | 206.900 | 90.000 | 43% | 115% |
| - | Ngân sách tỉnh hưởng | 62.070 | 27.000 | 43% | 113% |
| - | Ngân sách huyện, thành phố hưởng | 144.830 | 63.000 | 43% | 116% |
| 10 | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 9.350 | 6.000 | 64% | 120% |
| 11 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 90.000 | 159.000 | 177% | 175% |
| - | Ngân sách trung ương hưởng | 63.000 | 110.000 | 175% | 0% |
| - | Ngân sách địa phương hưởng | 27.000 | 49.000 | 181% | 168% |
| 12 | Thu khác ngân sách | 40.000 | 20.000 | 50% | 112% |
| - | Ngân sách trung ương hưởng | 7.000 | 3.500 | 50% | 111% |
| - | Ngân sách tỉnh hưởng | 21.000 | 12.000 | 57% | 135% |
| - | Ngân sách huyện, thành phố hưởng | 12.000 | 4.500 | 38% | 77% |
| 13 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản | 700 | 100 | 14% | 333% |
| 14 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | 26.000 | 13.850 | 53% | 103% |
| II | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu | 39.500 | 25.000 | 63% | 128% |
| B | THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG | 1.956.860 | 769.680 | 39% | 108% |
| 1 | Từ các khoản thu phân chia | 75.360 | 71.036 | 94% | 157% |
| - | Thuế bảo vệ môi trường | 48.360 | 24.180 | 50% | 129% |
| - | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 27.000 | 46.856 | 174% | 177% |
| 2 | Các khoản thu NSĐP được hưởng 100% | 1.881.500 | 698.644 | 37% | 104% |

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 225/BC-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM | SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|-------------|--|------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| | TỔNG CHI NSDP | 7.883.230 | 3.946.000 | 50% | 105% |
| A | CHI CÂN ĐỐI NSDP | 6.318.476 | 2.882.000 | 46% | 112% |
| I | Chi đầu tư phát triển | 754.820 | 363.400 | 48% | 103% |
| 1 | Chi xây dựng cơ bản tập trung | 521.920 | 310.000 | 59% | 100% |
| 2 | Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất | 206.900 | 27.400 | 13% | 111% |
| 3 | Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết | 26.000 | 26.000 | 100% | 135% |
| II | Chi trả nợ lãi | 200 | 18 | 9% | |
| III | Chi thường xuyên | 5.249.589 | 2.500.372 | 48% | 113% |
| 1 | Chi sự nghiệp kinh tế | 729.386 | 321.028 | 44% | 144% |
| 2 | Chi giáo dục - đào tạo | 2.348.235 | 1.063.000 | 45% | 103% |
| 3 | Chi sự nghiệp y tế | 693.878 | 254.000 | 37% | 87% |
| 4 | Chi khoa học và công nghệ | 10.500 | 6.594 | 63% | 182% |
| 5 | Chi sự nghiệp Văn hóa - TT | 65.106 | 22.000 | 34% | 95% |
| 6 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình | 54.980 | 19.700 | 36% | 91% |
| 7 | Chi bảo đảm xã hội | 88.560 | 46.588 | 53% | 126% |
| 8 | Chi quản lý hành chính | 612.252 | 393.000 | 64% | 157% |
| 9 | Chi An ninh - Quốc phòng địa phương | 133.299 | 132.778 | 100% | 130% |
| 10 | Chi ngân sách xã | 463.830 | 221.080 | 48% | 109% |
| 11 | Chi khác ngân sách | 49.563 | 20.604 | 42% | 95% |
| IV | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.000 | 0 | | |
| V | Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán TW giao để thực hiện CCTL | 84.800 | 0 | | |
| VI | Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi | 84.800 | 0 | | |
| VII | Dự phòng ngân sách | 129.645 | 18.210 | 14% | |
| VIII | Kinh phí tinh giản biên chế thực hiện CCTL | 13.622 | 0 | | |
| B | CHI THỰC HIỆN DỰ ÁN CT MTQG | 728.946 | 289.000 | 40% | 152% |

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM | SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|----------|---|----------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| <u>C</u> | <u>CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC</u> | <u>748.108</u> | <u>695.000</u> | <u>93%</u> | <u>75%</u> |
| <u>D</u> | <u>CHI TRẢ NỢ GỐC TỪ BỒI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u> | <u>87.700</u> | <u>80.000</u> | <u>91%</u> | <u>116%</u> |
| <u>E</u> | <u>CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH</u> | | | | |

02